TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 10 -2023
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Lê Thế Hải
2. Bà: Nguyễn Thị Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Lan A – Sinh năm: 1976 – Có mặt
HKTT: TDP Nam Ch, phường Hải Ch, thị xã Nghi S, Thanh H
- *Bị đơn:* Anh Lê Đình T – Sinh năm: 1976 – vắng mặt
HKTT: TDP Nam Ch, phường Hải Ch, thị xã Nghi S, Thanh H.
Nơi ở hiện nay: TDP Hòa B, phường Hải Ch, TX. Nghi S, Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Lan A trình bày như sau: Chị và anh Lê Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã hải Châu, huyện Tĩnh Gia vào ngày 14/9/1999, nay là phường Hải Châu, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn cuộc sống chung kéo dài đến hết năm 2000, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với người khác và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 cho đến nay. Trong thời gian từ năm 2003, chị và anh T sống ly thân hoàn toàn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tcó một con chung cháu Lê Thị L – sinh ngày 07/7/2000. Hiện tại cháu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Đình Tnhiều lần nhưng anh Tcố tình không chấp hành. Đã tự mình từ chối quyền và nghĩa vụ theo tố tụng nên không thể làm việc với anh Lê Đình Tđược.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến**:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lan A. Về hôn nhân: Xử cho chị Lan A được ly hôn với anh T. Về con chung và về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc chị Lan A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Lan A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Đình Tlà tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh T cố tình trốn tránh, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bản thân. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh T vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt thủ tục hợp lệ, đúng theo quy định cho anh T vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt anh Tiếp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Lan A và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại anh T và chị Lan A đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Xác minh tại chính quyền địa phương xác định hiện tại anh Tđang chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Điều này chứng tỏ phần trình bày của chị Lan Alà đúng. Điều này chứng tỏ chị Lan A và anh T đã sống ly thân từ nhiều năm nay, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên HĐXX căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lan A được ly hôn với anh Lê Đình T.

[3] Về con chung: Chị Lan A và anh T có một con chung cháu Lê Thị L – sinh ngày 07/7/2000. Hiện tại cháu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: ChỊ Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị Lan A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Lan A.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Lan A được ly hôn với anh Lê Đình T.

2. Về con chung: Chị Lan A và anh Tc ó một con chung cháu Lê Thị L – sinh ngày 07/7/2000. Hiện tại cháu L đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và công nợ chung: Chị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012590, ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Lan A đã thi hành xong phần án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Lan A, vắng mặt anh T . Chị Lan A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tcó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Hải Châu, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Cúc